

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Đất đai năm 2024);

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ về việc Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai (Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 3 như sau:

“d) Thứ tự ưu tiên: trường hợp người có đất thu hồi là người có công với cách mạng, hộ gia đình, cá nhân là đối tượng chính sách, người đồng bào dân tộc

thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo; tiếp theo đến trường hợp thực hiện theo thứ tự giảm dần về diện tích đất bị thu hồi (từ người có diện tích đất bị thu hồi lớn nhất đến người có diện tích đất bị thu hồi nhỏ nhất) trong cùng một dự án; sau đó là người có đất thu hồi không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi.

Sau khi đã giải quyết cho các trường hợp ưu tiên quy định nêu trên, mà trên địa bàn cấp xã không còn quỹ đất ở, quỹ nhà ở dôi dư để bồi thường thì người có đất thu hồi được bồi thường bằng tiền theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh (quy định chi tiết điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh được thực hiện như sau:

1. Người có đất thu hồi có bản kê khai các khoản chi phí thực tế đã đầu tư trực tiếp vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất theo mẫu do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phát hành, bao gồm các khoản mục chi phí quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai năm 2024.

2. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành tại địa phương cấp xã nơi có đất thu hồi, tiến hành kiểm tra, đối chiếu nội dung kê khai với thực tế ngoài thực địa để xác định lại nội dung các khoản chi phí đã kê khai và những nội dung có liên quan về thời hạn sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất còn lại, phù hợp với diện tích, khối lượng và chi phí thực tế hợp lý đã đầu tư vào đất, đảm bảo không thuộc trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật liên quan.

Người có đất thu hồi không có hồ sơ, tài liệu, không cung cấp bản kê khai thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành cấp xã nơi có đất thu hồi xác minh, kiểm tra trong quá trình lập hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng để tính toán chi phí đầu tư vào đất còn lại theo kết quả xác minh trên thực tế (nếu có) và đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Trường hợp không xác định được chi phí đầu tư vào đất còn lại trên thực tế nhưng trong quá trình lập, trình, thẩm định và phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà người có đất thu hồi cung cấp được tài liệu có liên quan thì được tiếp tục xem xét, giải quyết theo các tài liệu đó.

3. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác định các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư áp dụng công thức tính toán xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 2 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ để tính toán, xác

định chi phí đầu tư vào đất còn lại trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, trình thẩm định và phê duyệt theo trình tự, thủ tục quy định”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Đối với mồ mả vô chủ: Đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ký hợp đồng với đơn vị phục vụ mai táng của địa phương theo chi phí thực tế hợp lý, nhưng tối đa không vượt quá mức bồi thường quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức bốc mả, cải táng trong các nghĩa trang theo quy hoạch và thực hiện các nội dung: Vẽ sơ đồ, tọa độ các mồ mả, chụp ảnh, lưu giữ toàn bộ các hồ sơ của mồ, mả trước và sau khi hoàn thành việc di dời, cải táng, để thân nhân nhận lại mồ mả sau này (nếu có); hồ sơ lưu trữ đối với mồ mả vô chủ được thực hiện theo quy định về việc lưu trữ đối với hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, công trình, hạng mục công trình đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Đối với các trường hợp thuộc phần diện tích đất còn lại của cùng dự án chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, sau khi đã áp dụng đầy đủ chính sách quy định tại Quyết định này và pháp luật đất đai có liên quan mà có sự chênh lệch giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư so với tính toán theo chính sách quy định và pháp luật đất đai có liên quan trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt liên kế trước đó (theo quy định đối với trường hợp có điều kiện tương tự) thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét từng trường hợp cụ thể, quyết định mức hỗ trợ phù hợp để đảm bảo ổn định quyền lợi cho người bị thu hồi đất trong cùng một dự án, nhưng tối đa không vượt quá phần giá trị chênh lệch.

Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm tính toán, xác định phần giá trị chênh lệch quy định tại Khoản này (theo nguyên tắc tương đương về giá trị), đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt trong cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị (VP UBND tỉnh);
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên